

Số: 63/XS-KTTV
V/v Báo cáo giám sát
tài chính năm 2024

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang.

Thực hiện Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính Phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Thực hiện Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh tình hình tài chính năm 2024 theo một số nội dung sau:

a) Thuận lợi:

Hoạt động Xổ số tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, đặc biệt là sự quan tâm của UBND tỉnh, Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Hội đồng XSKT miền Bắc; sự phối hợp, giúp đỡ của các cơ quan, ban ngành trong tỉnh.

Công ty đã ký kết hợp đồng làm đại lý với Công ty TNHH một thành viên Xổ số điện toán Việt Nam để làm đại lý xổ số tự chọn số điện toán qua thiết bị đầu cuối; góp phần tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng thêm nguồn thu từ hoạt động kinh doanh xổ số cho ngân sách địa phương.

b) Khó khăn:

Sự cạnh tranh bất hợp pháp ngày càng tinh vi của tệ nạn số lô số đề với cách thức tham gia (không cần ghi, mua vé, không cần trả tiền ngay và có thể ghi nợ nhiều lần), linh hoạt về cơ chế (hoa hồng, trả thưởng cao do trốn thuế), các website về cá độ bóng đá, số đề và các trò chơi trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội... là một thách thức không hề nhỏ diễn ra hàng ngày, hàng giờ song hành với hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty gặp ảnh hưởng không nhỏ bởi lũ lụt sau hoàn lưu bão số 3 năm 2024 phải dừng hoạt động kinh doanh xổ số, người dân bị ảnh hưởng tiêu cực của lũ lụt bị mất mát tài sản, sản xuất kinh doanh bị đình trệ làm giảm cầu về hoạt động vui chơi có thưởng.

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024

- Chỉ tiêu tổng doanh thu là 86.000,71 triệu đồng, so với kế hoạch UBND tỉnh giao đạt 103,61% (86.000,71 triệu đồng/83.000,00 triệu đồng).

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là 1.705,66 triệu đồng, so với kế hoạch UBND tỉnh giao đạt 100,33% (1.705,66 triệu đồng/1.700,00 triệu đồng).

- Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn nhà nước thực hiện là 14,21%, tăng 0,01 so với kế hoạch UBND tỉnh giao là 14,20%.

- Chỉ tiêu thuế, phí nộp ngân sách nhà nước là 19.177,21 triệu đồng, so với kế hoạch UBND tỉnh giao đạt 103,94% (19.177,21 triệu đồng/18.450,00 triệu đồng).

- Chỉ tiêu bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN là 1.196,74 triệu đồng, so với kế hoạch UBND tỉnh giao đạt 106,19% (1.196,74 triệu đồng/1.127,00 triệu đồng).

2. Bảo toàn vốn và phát triển vốn. (kèm theo biểu mẫu B06MS01)

a) Vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu của Công ty đến ngày 31/12/2023 là 12.000 triệu đồng.

Trong đó:

+ Vốn điều lệ là 12.000 triệu đồng.

+ Quỹ đầu tư phát triển 0 triệu đồng.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty đến ngày 31/12/2024 là 12.000 triệu đồng.

Trong đó:

+ Vốn điều lệ là 12.000 triệu đồng.

+ Quỹ đầu tư phát triển 0 triệu đồng.

$$\text{Hệ số bảo toàn vốn (H)} = \frac{12.000 \text{ tr.đ}}{12.000 \text{ tr.đ}} = 1$$

=> Theo quy định năm 2024 Công ty bảo toàn và phát triển được vốn.

b) Tổng tài sản đến hết 31/12/2024: 21.362,57 triệu đồng.

c) Lợi nhuận sau thuế: 1.705,65 triệu đồng.

d) Hiệu quả sử dụng vốn:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu:

$$\text{ROE} = \frac{1.705,65 \text{ tr.đ}}{12.000 \text{ tr.đ}} = 14,21 \%$$

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản:

$$\text{ROA} = \frac{1.705,65 \text{ tr.đ}}{21.362,57 \text{ tr.đ}} = 7,98 \%$$

3. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

3.1. Đầu tư dự án (kèm theo biểu mẫu 02A)

Công ty thực hiện 02 dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc phòng xổ số kiến thiết tại 02 huyện Sơn Dương và Chiêm Hóa, 02 dự án đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng chờ phê duyệt chấp thuận chủ trương nhận chuyển nhượng, cho thuê quyền sử dụng đất để triển khai thực hiện; 01 dự án khảo sát, lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng trụ sở làm việc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang.

3.2. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (kèm theo biểu mẫu 02B)

Công ty không phát sinh hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

3.3. Huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Công ty không phát sinh hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn huy động.

3.4. Quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả

a) Quản lý tài sản: Doanh nghiệp thực hiện đầu tư mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản phù hợp với trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Hạch toán, mở sổ chi tiết theo dõi tài sản, thực hiện trích khấu hao tài sản theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Tổng tài sản đầu năm là 24,58 tỷ đồng, tổng tài sản cuối năm năm 2024 đạt 21,36 tỷ đồng, giảm trên 13,1% do trong năm 2024 Công ty thực hiện tạm chi trả tiền lương còn lại năm 2023, hoàn thuế TNCN cho CBCNV-NLD và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng do tỷ lệ trả thưởng vượt so với kế hoạch. Trong năm 2024, công ty thực hiện trích khấu hao tài sản số tiền là 558,64 triệu đồng, thực hiện đóng bảo hiểm nhân thọ cho người lao động Công ty.

b) Tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế:

Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế quản lý nợ theo quy định tại Nghị định 206/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ từ năm 2014. Tình hình quản lý nợ: các khoản nợ phải thu, phải trả được phân loại theo tính chất nợ, định kỳ được xác nhận đối chiếu và theo dõi theo từng đối tượng.

c) Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo: 685,63 triệu đồng.

Trong đó:

- Phải thu của khách hàng (TK 131): 134,03 triệu đồng (Số công nợ phải thu các loại vé xổ số thời điểm 31/12/2024 của Tổng đại lý xổ số có sổ tiết kiệm thế chấp tại công ty theo đúng quy định và tiền phải thu thuế TNCN của cán bộ công nhân viên và đại lý xổ số)

- Trả trước cho người bán ngắn hạn (TK 331): 338,20 triệu đồng là khoản tiền tạm ứng cho đơn vị thực hiện quy hoạch, khảo sát, đo đạc xây dựng trụ sở công trình phòng Xổ số kiến thiết huyện Chiêm Hóa, Sơn Dương, tiền đền bù thu

hồi chuyển nhượng giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng trụ sở phòng Xô số kiến thiết huyện Sơn Dương.

- Phải thu khác (TK 138): 45,60 triệu đồng là khoản phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn dự kiến hiện chưa thu thời điểm 31/12/2024.

- Tạm ứng (TK141): 85,60 triệu đồng (Số tiền tạm ứng để phục vụ công tác trả thưởng tại công ty).

- Ký quỹ, ký cược (TK 244): 81,7 triệu đồng là khoản tiền góp tại Hội đồng Xô số kiến thiết Miền Bắc.

- Phải trả, phải nộp khác: 0,4 triệu đồng.

d) Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải trả là: 9.362,57 triệu đồng.

Trong đó:

- Nợ ngắn hạn: 8.689,07 triệu đồng.

- Nợ dài hạn: 673,5 triệu đồng.

Trong tổng số nợ phải trả số tiền dự phòng rủi ro trả thưởng 3.936,24 triệu đồng chiếm 42,04%; thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 1.508,75 triệu đồng chiếm 16,11%; Người mua trả tiền trước ngắn hạn (đại lý mua vé xổ số) là 951,33 triệu đồng chiếm 10,16%; phải trả ngắn hạn khác (hoa hồng tổng đại lý, đại lý xổ số và các khoản phải trả khối xổ số miền bắc) là 954,35 triệu đồng chiếm 10,19%; Quỹ khen thưởng phúc lợi là 985,07 triệu đồng chiếm 10,52%; Phải trả người lao động là 315,14 triệu đồng chiếm 3,36%; phải trả người bán ngắn hạn là 38,17 triệu đồng chiếm 0,41%; Nợ dài hạn (tiền ký quỹ, ký cược đại lý xổ số) là 673,5 triệu đồng chiếm 7,19%.

+ Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp: Các khoản nợ của Công ty đều là nợ luân chuyển, nợ ngắn hạn do chưa đến thời điểm thanh toán nên Công ty không phát sinh thiệt hại nợ phải thu và không phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Đối với nợ phải trả đều nằm trong tầm quyền soát tài chính của Công ty.

+ Nợ phải trả quá hạn: Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn.

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn:

$$\text{Khả năng thanh toán nợ đến hạn} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{11.756,79 \text{ trđ}}{8.689,07 \text{ trđ}} = 1,35$$

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

$$\text{Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{9.362,57 \text{ trđ}}{12.000 \text{ trđ}} = 0,78$$

Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn và hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của công ty ở mức phù hợp, tình hình tài chính của công ty ổn định, đảm bảo thanh toán được các khoản nợ.

4. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính.

4.1. Về sản lượng tiêu thụ vé xổ số trong kỳ:

Loại vé	ĐVT	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
Xổ số Bốc	Vé	320.000	700.000	460.000	560.000
Xổ số Bốc 5.000đ	Vé	220.000	600.000	410.000	410.000
Xổ số Bốc 10.000đ	Vé	100.000	100.000	50.000	150.000
Xổ số Cặp số	Vé	843.080	800.000	961.420	681.660
XS Cặp số 10.000đ	Vé	115.200	200.000	134.800	180.400
XS Cặp số 20.000đ	Vé	588.800	500.000	704.200	384.600
XS Cặp số 50.000đ	Vé	139.080	100.000	122.420	116.660
Xổ số Lô tô	Vé	1.949.310	4.000.000	4.108.180	1.841.130
XS Lô tô 5.000đ	Vé	260.200	1.000.000	772.900	487.300
XS Lô tô 10.000đ	Vé	903.400	2.000.000	2.331.000	572.400
XS Lô tô 20.000đ	Vé	224.550	1.000.000	847.900	376.650
XS Lô tô 50.000đ	Vé	561.160	0	156.380	404.780
Xổ số Lô tô 3/23	Vé	98.300	0	0	98.300
XS Lô tô 10.000đ	Vé	12.200	0	0	12.200
XS Lô tô 20.000đ	Vé	86.100	0	0	86.100
Xổ số Kiến thiết	Vé	992.000	11.456.000	11.587.600	860.400
XSKT 10.000đ	Vé	992.000	11.328.000	11.459.600	860.400
XSKT 20.000đ	Vé	0	128.000	128.000	0
Tổng cộng	Vé	4.202.690	16.956.000	17.117.200	4.041.490

4.2. Chỉ tiêu tài chính:

a) Doanh thu và thu nhập khác:

Doanh thu và thu nhập khác của Công ty được ghi nhận theo quy định của Thông tư số 138/2017/TT-BTC ngày 24/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số và quy chế quản lý tài chính do Công ty ban hành.

Chỉ tiêu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024, công ty đạt 68.118,47 triệu đồng bằng 110,08% so với cùng kỳ thực hiện năm 2023 (61.876,95 triệu đồng), bằng 103,82% so với kế hoạch giao (65.612,64 triệu đồng) trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là: 67.482,59 triệu đồng bằng 111,07% so với cùng kỳ thực hiện năm 2023 (60.753,58 triệu đồng).

- Doanh thu hoạt động tài chính là: 559,00 triệu đồng bằng 60,46% so với cùng kỳ thực hiện năm 2023 (924,46 triệu đồng)

- Thu nhập khác: 76,88 triệu đồng bằng 38,65% so với cùng kỳ thực hiện năm 2023 là (198,90 triệu đồng)

b) Về chi phí Công ty xây dựng quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành và áp dụng trong toàn công ty, tất cả các khoản chi đều trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí và mang lại hiệu quả cao trong công việc. Thực hiện năm 2024 của Công ty:

Tổng chi phí năm 2024 là 65.972,01 triệu đồng, bằng 110,42% so với cùng kỳ thực hiện năm 2023 (65.972,01 triệu đồng/59.744,71 triệu đồng), trong đó:

- Chi phí kinh doanh là 54.431,91 triệu đồng, bằng 112,12% so với cùng kỳ thực hiện năm 2023 (54.431,91 triệu đồng/48.549,18 triệu đồng).

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là 11.451,95 triệu đồng, bằng 103,33% so với cùng kỳ thực hiện năm 2023 (11.451,95 triệu đồng/11.081,99 triệu đồng).

- Chi phí tài chính là 29,22 triệu đồng, bằng 3.176,09% so với thực hiện cùng kỳ năm 2023 (29,22 triệu đồng/0,92 triệu đồng).

- Chi phí khác là 58,93 triệu đồng, bằng 52,33% so với thực hiện cùng kỳ năm 2023 (58,93 triệu đồng/112,62 triệu đồng).

4.3. Chỉ tiêu hoạt động của doanh nghiệp:

Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp: Xác định tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA).

$$ROE = \frac{1.705,65 \text{ trđ}}{12.000 \text{ trđ}} = 14,21\%$$

$$ROA = \frac{1.705,65 \text{ trđ}}{21.362,57 \text{ trđ}} = 7,98\%$$

- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế 2.146,46 triệu đồng;

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là 1.705,65 triệu đồng, bằng 100,33% so với kế hoạch UBND tỉnh giao năm 2024 (1.705,65 triệu đồng/1.700,00 triệu đồng); bằng 101,33% so với cùng kỳ thực hiện năm 2023 là (1.705,65 triệu đồng/1.683,28 triệu đồng).

- Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân 14,21%; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản 7,98%.

4.4. Phân tích về lưu chuyển tiền tệ trong kỳ:

a) Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	- 1.885,8 trđ
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV& DT khác:	85.784 trđ
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ:	- 5.445 trđ
- Tiền chi trả cho người lao động:	- 5.319 trđ
- Tiền chi trả lãi vay:	- 29,2 trđ
- Tiền chi nộp thuế TNDN:	- 413,9 trđ
- Tiền thu khác cho HĐKD:	5.597 trđ
- Tiền chi khác cho HĐKD:	- 82.059 trđ

a) Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:	879,6 trđ
- Tiền chi xây dựng TSCĐ:	- 159,0 trđ
- Tiền thu từ thanh lý, tiền phạt vé hỏng:	
- Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác:	- 9.500,0 trđ
- Tiền thu hồi đầu tư :	9.979,0 trđ
- Tiền thu lãi cho vay:	559,0 trđ
- Tiền thu từ đi vay:	2.050,0 trđ
- Tiền trả nợ gốc vay:	- 2.050,0 trđ

b) Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính: không phát sinh

- Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ:	- 1.006,25 trđ
- Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ:	2.189,00 trđ
- Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ:	1.182,75 trđ

+ Tiền và tương đương tiền đầu kỳ: 2.189,00 triệu đồng.

+ Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh: Dòng tiền tạo ra từ các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024 là 91.381,59 triệu đồng; các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh là 93.267,46 triệu đồng; Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là -1.885,87 triệu đồng.

+ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư: năm 2024 dòng tiền thu từ các hoạt động đầu tư 10.538,62 triệu đồng; các khoản chi cho hoạt động đầu tư 9.659 triệu đồng; Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư là 879,62 triệu đồng.

+ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính: năm 2024 không phát sinh.

+ Tiền và tương đương tiền cuối kỳ: 1.182,75 triệu đồng.

+ Dự báo về lưu chuyển tiền tệ trong năm 2024: Dòng tiền tạo từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính của doanh nghiệp đảm bảo cân đối các chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách Nhà nước: năm 2024 Công ty phải nộp ngân sách số tiền 20.194,29 triệu đồng. Công ty đã nộp ngân sách nhà nước số tiền 19.434,54 triệu đồng.

- Năm 2024 Công ty trích lập các quỹ số tiền là 1.144,51 triệu đồng, trong đó: quỹ khen thưởng, phúc lợi là 1.030,10 triệu đồng; quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp là 114,41 triệu đồng. Trong kỳ doanh nghiệp đã sử dụng các Quỹ tổng số tiền là 1.010,92 triệu đồng, trong đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 871,75 triệu đồng; quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp là 139,17 triệu đồng.

6. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật.

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về đầu tư, quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nộp thuế và các khoản bảo hiểm đúng quy định, nộp báo cáo Tài chính, báo cáo giám sát tài chính và các báo cáo khác đúng quy định.

7. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các ý kiến của kiểm toán độc lập, kiểm soát viên và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(có biểu số 02.A; 02.C; 02.D; 05.A; 05.B và B06MS01 kèm theo).

Công ty TNHH một thành viên xô số kiến thiết Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBND tỉnh | (báo cáo);
- Sở Tài chính |
- Lãnh đạo Công ty;
- Kiểm soát viên Công ty;
- Lưu: VT, KT-TV.



Vương Trọng Khánh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỞ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Biểu số 02.A

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỀ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XD CB NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 3/XSKT ngày 18/3/2025 của Công ty TNHH MTV Xổ sở kiến thiết Tuyến Quang)

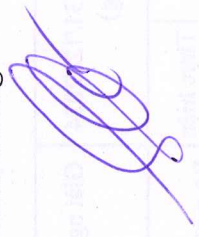
Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư						Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến ngày 31/12/2024 (Triệu đồng)				Giải ngân đến ngày 31/12/2024 (Triệu đồng)			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Triệu đồng)
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%	Tổng số		Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
A Các dự án nhóm A																				
B Các dự án nhóm B																				
C Các dự án khác																				
1	Quy hoạch chi tiết dự án Xây dựng trụ sở làm việc Phòng Xổ số kiến thiết huyện Sơn Dương	Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương	638.5	638.5	100%			Trên 240 ngày									562.5	562.5		
	Quy hoạch chi tiết dự án Xây dựng trụ sở làm việc Phòng Xổ số kiến thiết huyện Chiêm Hóa	Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 28/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa	419.8	419.8	100%			Trên 240 ngày									334.1	334.1		
	Khảo sát, lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng trụ sở làm việc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyến Quang	Quyết định số 54/QĐ-XS ngày 15/5/2021 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyến Quang	177.4	177.4	100%			Trên 240 ngày									140.0	140.0		
Cộng			1,235.7	1,235.7		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,036.6	1,036.6			

GHI CHÚ: - Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án của chủ tịch Công ty vì số vốn đầu tư vào ít hơn 50% số vốn chủ sở hữu người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp quyết định đầu tư. Giá trị tài sản hình thành và đưa tài sản vào sử dụng đã bao gồm thuế GTGT.

- Giá trị tài sản hình thành và đưa tài sản vào sử dụng đã bao gồm thuế GTGT.

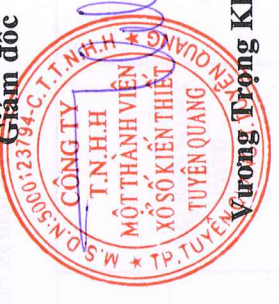
Kế toán trưởng



Lương Việt Hân

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Giám đốc



Vương Trọng Khánh

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 63/XSKT ngày 18/3/2025 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyền Quang)
Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung		Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Thực hiện năm 2024		Biến động so với (tỷ lệ %)		
				Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Kế hoạch năm
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)=(4)/(2)	(7)=(4)/(3)
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh								
1	Sản lượng SXSP chủ yếu							
2	Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3	Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính								
1	DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	62,837	60,754	65,612	67,483	107%	111%	103%
2	Giá vốn hàng bán							
3	LN gộp BH và cung cấp DV	13,445	12,204		13,051	97%	107%	
4	Doanh thu hoạt động tài chính	543	924.4		559.0	103%	60%	
5	Chi phí tài chính		0.9		29.2			
6	Chi phí bán hàng							
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11,830	11,082		11,452	97%	103%	
8	LN thuần từ hoạt động KD	2,158	2,046	-	2,129	99%	104%	
9	Thu nhập khác	19	198.9		76.9	400%	39%	
10	Chi phí khác	63.4	112.6		58.9	93%	52%	
11	Lợi nhuận khác	(44.2)	86.3	-	18.0	41%	-21%	
12	Tổng LN kế toán trước thuế	2,114	2,132	2,125	2,146	102%	101%	101%
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	436	448	425	441	101%	98%	104%
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15	Lợi nhuận sau thuế DN	1,678	1,683	1,700	1,705	102%	101%	100%

Kế toán trưởng

Lương Việt Hân

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Giám đốc



Vương Trọng Khánh

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 63/XSKT ngày 18/3/2025 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyến Quang)

ĐVT: đồng

TT	Chi tiêu	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển kỳ tiếp theo
1	Thuế	641,618,498	19,597,151,963	18,827,679,238	1,411,091,223
+	Thuế GTGT	571,922,827	7,787,617,834	7,738,629,824	620,910,837
+	Thuế TTDB	745,080,460	10,121,796,050	10,039,561,885	827,314,625
+	Thuế TNDN	(82,491,384)	440,804,583	413,927,256	(55,614,057)
+	Thuế TNCN	(592,893,405)	1,116,891,416	505,518,193	18,479,818
+	Thuế đất	-	130,042,080	130,042,080	-
2	Các khoản phải nộp khác	-	10,530,212	10,530,212	-
+	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10,530,212	10,530,212	-
3	LN sau thuế còn lại sau khi trích lập + năm trước	51,768,182	594,144,251	603,861,037	42,051,396
4	Tổng cộng 4=1+2+3	693,386,680	20,201,826,426	19,442,070,487	1,453,142,619

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2024

ĐVT: đồng

	Chi tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	712,302,560	1,030,095,427	871,742,165	870,655,822
3	Quỹ thưởng VCQLDN	139,178,507	114,412,899	139,178,507	114,412,899
4	Quỹ hỗ trợ xếp doanh nghiệp				-
5	Quỹ đặc thù khác nếu có(Dự phòng trả thưởng)	5,264,081,578		1,327,833,800	3,936,247,778
6	Tổng cộng 6=1+2+3+4+5	6,115,562,645	1,144,508,326	2,338,754,472	4,921,316,499

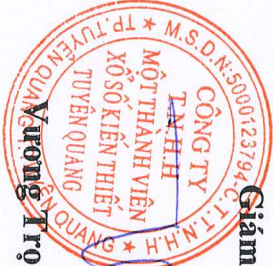
Kế toán trưởng

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Giám đốc

Lương Việt Hân

Trương Khánh



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 63/XSKT ngày 18/3/2025 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu		Kết quả xếp loại doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của người quản lý doanh nghiệp	Xếp loại hoạt động người quản lý doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện			
1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang	14.20%	14.21%	A	Thực hiện tốt	A

Kế toán trưởng

Lương Việt Hân

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2025
Giám đốc



Vương Trọng Khánh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỔ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Biểu số 06MS01

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 63/XSKT ngày 18/3/2025 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyến Quang)

	Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A	Vốn chủ sở hữu, trong đó:	12,000 tr.đ	12,000 tr.đ	1.000
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12,000 tr.đ	12,000 tr.đ	
2	Quỹ đầu tư phát triển	- tr.đ	- tr.đ	
3	Nguồn vốn xây dựng cơ bản	-	-	
B	Tổng tài sản	24,588 tr.đ	21,362 tr.đ	
C	Lợi nhuận sau thuế	x	1,705.7 tr.đ	
D	Hiệu quả sử dụng vốn			
1	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH	x	14.21%	x
2	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản	x	7.98%	x

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Lương Việt Hân

